

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – QUẢNG NGÃI
Số: 20/2026/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 20/2026/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026 về việc “*Ly hôn*” giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Y H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn 8, xã Kon Braih, tỉnh Quảng Ngãi; Căn cước công dân số: 062195004972.

- *Bị đơn*: Anh A V, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn 8, xã Kon Braih, tỉnh Quảng Ngãi; Căn cước công dân số: 062092004690.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Y H và anh A V.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Y H và anh A V thuận tình ly hôn.
 - *Về con chung*: Vợ, chồng không có con chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chị Y H và anh A V không có tài sản chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có nợ chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về án phí*:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Y H và anh A V mỗi người phải chịu 75.000 đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (thuận tình ly hôn); chị Y H và anh A V thoả thuận chị Y H nộp toàn bộ án phí gồm cả án phí cho anh A V. Tổng cộng chị Y H phải nộp 150.000 đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (thuận tình ly hôn), nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà chị Y H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001515 ngày 10/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi; chị Y H đã nộp đủ tiền án phí. Hoàn trả số tiền 150.000 đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) còn lại cho chị Y H.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 10;
- Phòng THADS Khu vực 10;
- Phòng GDKT-TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Kon Braih, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Hữu Nuôi